

Số: *M* /2021/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày *01* tháng *7* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 7/2020/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang như sau:

1. Đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá tối đa (*Chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

2. Giá và nguồn kinh phí mua xe ô tô chuyên dùng

a) Giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này là giá mua tối đa đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô chuyên dùng được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn vào giá mua để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng.

b) Nguồn kinh phí đầu tư, mua sắm xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, gồm: Ngân sách nhà nước; các loại kinh phí có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn thu phí dịch vụ...); vốn vay, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA (trừ trường hợp có Hiệp định thỏa thuận riêng); nguồn hỗ trợ, tài trợ, biếu tặng của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2021; đồng thời, bãi bỏ mục 1 phần VI và mục 2 phần IX tại phụ lục tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hà Giang, ban hành kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- VnptiOffice;
- Lưu: VT, NCPC, VHXX, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trong lĩnh vực y tế thuộc tỉnh Hà Giang quản lý
 (Ban hành kèm theo Quyết định số: *11* /2021/QĐ-UBND ngày *01* tháng *7* năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)



TT	Chủng loại xe	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng tối đa (xe)	Mức giá tối đa (Triệu đồng/01 xe)	Nội dung công việc đặc thù hoặc loại xe
		Tổng số	87		
I	Xe ô tô cứu thương		62		Xe đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT (xe 02 cầu loại nhỏ, giá 01 tỷ đồng/xe); Xe có kết cấu không gian rộng được trang bị máy móc, trang thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe (Xe 02 cầu loại to, giá 1,5 tỷ đồng/xe)
1		Bệnh viện Đa khoa tỉnh	3	1.000	
			2	1.500	
2		Bệnh viện Y dược cổ truyền	2	1.000	
			1	1.500	
3		Bệnh viện phổi	2	1.000	
			1	1.500	
4		Bệnh viện Phục hồi chức năng	1	1.000	
			1	1.500	
5		Bệnh viện Mắt	2	1.000	
6		Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	2	1.000	
			1	1.500	
7		Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên	2	1.000	
			1	1.500	
8		Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	2	1.000	
			1	1.500	
9		Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	2	1.000	
			1	1.500	
10		Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn	2	1.000	
			1	1.500	

TT	Chủng loại xe	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng tối đa (xe)	Mức giá tối đa (Triệu đồng/01 xe)	Nội dung công việc đặc thù hoặc loại xe
11		Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc	2	1.000	
			1	1.500	
12		Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Bắc Quang	2	1.000	
			2	1.500	
13		Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Yên Minh	2	1.000	
			2	1.500	
14		Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Hoàng Su Phì	2	1.000	
			1	1.500	
15		Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê	2	1.000	
			1	1.500	
16		Bệnh viện đa khoa Nà Chì	2	1.000	
17		Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn	1	1.000	
18		Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	1	1.000	
19		Trung tâm Y tế huyện Yên Minh	1	1.000	
20		Trung tâm Y tế huyện Quán Bạ	1	1.000	
21		Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	1	1.000	
22		Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	1	1.000	
23		Trung tâm Y tế huyện Quang Bình	1	1.000	
24		Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	1	1.000	
25		Trung tâm Y tế huyện Vị Xuyên	1	1.000	
26		Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	1	1.000	
27		Trung tâm Y tế Thành phố Hà Giang	1	1.000	
28		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	1	1.000	
29		Cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng người tâm thần, cai nghiện ma túy	1	1.000	
II	Xe ô tô tải có thùng kín	Bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện (16 bệnh viện)	16	500	Vận chuyển dụng cụ, vật tư, chất thải y tế trong lĩnh vực truyền nhiễm đi tiêu hủy (01 xe/01 bệnh viện)

TT	Chủng loại xe	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng tối đa (xe)	Mức giá tối đa (Triệu đồng/01 xe)	Nội dung công việc đặc thù hoặc loại xe
III	Xe ô tô bán tải		7		
1		Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình	1	800	Xe gắn mô hình mô phỏng
2		Trung tâm Kiểm nghiệm	1	800	Vận chuyển mẫu bệnh phẩm, mẫu thực phẩm
3		Trường Trung cấp Y	1	800	Chở mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, thiết bị giảng dạy
4		Trung tâm Pháp Y	1	800	Chở dụng cụ phục vụ công tác giám định pháp y
5		Trung tâm kiểm soát bệnh tật	1	800	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động
			2	800	Xe vận chuyển vacxin, sinh phẩm
IV	Xe kiểm nghiệm an toàn thực phẩm	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	1	2.750	Kiểm tra công tác an toàn và vệ sinh thực phẩm trên địa bàn tỉnh (kèm theo phòng phân tích di động có gắn thiết bị kèm theo)
V	Xe ô tô chụp X-quang kỹ thuật số lưu động	Bệnh viện phổi	1	2.600	Bao gồm cả thiết bị kèm theo

Handwritten signature or mark

